

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **19/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-3-2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Ông Nguyễn Văn Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST –HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm: 1988; Địa chỉ: số 114/3 ấp Phú, xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Tất L, sinh năm: 1985; Địa chỉ: số 114/3 ấp Phú, xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th trình bày: Chị và anh Đoàn Tất L do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2011. Kết hôn xong chị và anh L cất nhà ra sống riêng tại ấp Phú, xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Thời gian sống chung chị và anh L có một thời gian dài sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây chị và anh L xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã không sống chung từ đầu năm 2018 đến tháng 7 năm 2019, sau thời gian này chị và anh L có hàn gắn trở lại,

tuy nhiên chị và anh L tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, chị và anh L tiếp tục không sống chung từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên cũng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh L là do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, đã có thời gian dài không sống chung, có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Tất L. Chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Đoàn Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 10/5/2012, con đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Đoàn Tất L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bích Th về quá trình tiến tới hôn nhân, kết hôn, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh và Chị Th cất nhà ra sống tại phần đất cha ruột anh cho vợ chồng anh tại ấp Phủ, xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Sau khi kết hôn anh và Chị Th sống có hạnh phúc một thời gian, sau đó có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau và đã có thời gian không sống chung như Chị Th trình bày. Từ khi không còn sống chung thì anh và Chị Th cũng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với yêu cầu ly hôn của Chị Th thì anh không đồng ý ly hôn với Chị Th, do con chung còn nhỏ anh muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi con. Tuy nhiên nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Th thì anh yêu cầu giải quyết như sau: Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng anh không yêu cầu giải quyết. Về con chung là Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 10/5/2012, đang sống chung với Chị Th, anh đồng ý giao con chung cho Chị Th nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên nếu sau này Chị Th nuôi con không đảm bảo điều kiện phát triển tâm sinh lý của con thì anh có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và anh có yêu cầu Chị Th khi được quyền nuôi con thì Chị Th không được thay đổi nơi ở của con khi chưa có sự đồng ý của anh. Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án

nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Th. Cho Chị Th ly hôn với anh L; về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích Th được trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 10/5/2012, ghi nhận Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu; nợ chung Chị Th và anh L trình bày không có nên không nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Đoàn Tất L có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 114/3 ấp Phú, xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Th và anh L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị Th và anh L.

[4] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích Th và anh Đoàn Tất L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/5/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân của Chị Th và anh L được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân Chị Th xin ly hôn với anh L là do trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh L thừa nhận anh và Chị Th có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị Th vì anh muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để lo cho con. Xét thấy, hiện nay Chị Th và anh L không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù, trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh L không đồng ý ly hôn với Chị Th nhưng anh L không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với Chị Th; trước đây, Chị Th và anh L có thời gian hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng anh chị lại phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được nên tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Mặt khác, tại biên bản xác minh đối với bà Lương Nguyệt A (là mẹ ruột

của Chị Th), bà A cũng trình bày “*hôn nhân giữa Chị Th và anh L có phát sinh mâu thuẫn, có cãi nhau thường xuyên, nguyên nhân là do anh L hay ghen, giữa Chị Th và anh L đã sống ly thân, quá trình sống ly thân gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không thành*”. Từ những cơ sở nêu trên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị Th và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Th đối với anh L. Chị Nguyễn Thị Bích Th và anh Đoàn Tất L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị Th và anh L thống nhất trình bày anh chị có 01 con chung tên Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 10/5/2012, khi ly hôn Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con, Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng, từ khi Chị Th và anh L không còn sống chung, Chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuyền, tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 23/02/2021 thì cháu Tuyền trình bày nguyện vọng là muốn sống chung với Chị Th. Mặt khác, anh L cũng đồng ý giao cháu Tuyền cho Chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 10/5/2012 cho Chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Anh L cho rằng trong thời gian trực tiếp nuôi con, Chị Th không được thay đổi nơi ở của con khi chưa có sự đồng ý của anh, xét thấy việc này không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Th và anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Nguyễn Thị Bích Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích Th đối với anh Đoàn Tất L. Chị Nguyễn Thị Bích Th được ly hôn với anh Đoàn Tất L. Chị Th và anh L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích Th được trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Thị Thanh T, sinh ngày 10/5/2012, ghi nhận Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Th và anh L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005578 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

